

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ – ST

Ngày: 16/6/2020

V/v “Xin ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Bình

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long:
Không thuộc trường hợp tham dự phiên tòa.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 27/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST - HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2020/QĐST - HNGĐ ngày 27/5/2020, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Cao Thị K M, sinh năm 1995 (có mặt)

ĐKKHKT: Tổ 17, ấp A T, xã T A T, huyện B T, Vĩnh Long.

Tạm trú: Số 051, tổ 3, ấp H T, xã T H, B T, Vĩnh Long.

**** Bị đơn:*** Anh Phan Văn H, sinh năm 1991 (vắng mặt)

ĐKKHKT: Tổ 17, ấp A T, xã T A T, huyện B T, Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai đề ngày 17/02/2020 và biên bản hòa giải ngày 08/5/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Cao Thị K M trình bày:

Vào năm 2016, chị Cao Thị K M và anh Phan Văn H cưới nhau, hôn nhân do quen biết và có tìm hiểu trước. Hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức lễ cưới. Nữ trang ngày cưới gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 24K, 02 chiếc nhẫn 0,5 chỉ vàng 18K, hiện số vàng này anh chị đã bán chi tiêu trong gia đình hết nay không còn. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T A T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/3/2016.

Sau khi cưới thì anh chị về sống tại ấp Hưng Thịnh, xã Tân Hưng, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm nên anh chị có 01 con chung là Phan Cao Q A, sinh ngày 27/11/2016. Trong quá trình chung sống thì anh chị không có tạo ra tài sản chung nào hết.

Mâu thuẫn gia đình phát sinh là do anh H bất đồng về quan điểm sống, đời sống kinh tế gặp nhiều khó khăn nên chị M và anh H thường cãi nhau và anh H hay ghen tuông vô cớ nên chị M và anh H không còn quan tâm chăm sóc nhau. Hiện tại anh chị đã ly thân với nhau từ tháng 11/2019 đến nay.

Nay chị M yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn H. Chị M yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung Phan Cao Q A, sinh ngày 27/11/2016, chị M yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về quan hệ tài sản, nợ chung, nợ chung: không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 08/5/2020, bị đơn anh Phan Văn H trình bày:* Anh H thống nhất với lời trình bày của chị M về thời gian kết hôn, nữ trang cưới, con chung, tài sản chung, còn mâu thuẫn gia đình thì anh Hoàng không đồng ý. Anh H thừa nhận là có ghen, chị M thường xuyên đi lấy đồ về bán khi về đến nhà thì khoảng 7-8 giờ tối khi anh H nói với chị M để anh H đi làm chung với chị M thì chị M không đồng ý. Chị M trình bày là anh chị ly thân từ tháng 11/2019 là không đúng vì anh chị không có ly thân anh chị vẫn còn sống chung một nhà.

Anh H không đồng ý ly hôn mà yêu cầu đoàn tụ gia đình. Nếu Hội đồng xét xử chấp nhận cho M và anh H ly hôn nhau thì anh H yêu cầu được quyền nuôi con chung là Phan Cao Q A, sinh ngày 27/11/2016, anh H không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Nếu Hội đồng xét xử giao con cho chị M được quyền nuôi dưỡng con chung thì anh Hoàng không đồng ý cấp dưỡng. Về quan hệ tài sản, nợ chung: không tranh chấp không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Chị M trình bày: chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Anh H không tin tưởng chị, vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2019, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn gia đình trầm trọng không thể hàn gắn nên chị M yêu cầu ly hôn với anh H. Chị M yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung Phan Cao Q A, sinh ngày 27/11/2016, chị M yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Về quan hệ tài sản, nợ chung: không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn, nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T A T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ lúc thụ lý đến khi xét xử: Anh Phan Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến dự tất cả các phiên tòa xét xử. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị K M và anh Phan Văn H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hợp pháp. Xét giữa chị M và anh H trong quá trình chung sống mâu thuẫn xảy ra kéo dài anh chị không còn tin tưởng nhau nên từ đó anh chị không thể dung hòa được cuộc sống vợ chồng, vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Chị M xác định không còn tình cảm với anh H nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mục đích hôn nhân giữa chị M và anh H không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Bên cạnh đó chị M vẫn cương quyết xin ly hôn. Vì vậy căn cứ theo Điều 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị M.

[3] Về con chung: Cháu Phan Cao Q A, sinh ngày 27/11/2016 chị M và anh H đều có yêu cầu nuôi con chung, chị M yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, anh H không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con, nếu chị M nuôi con chung thì anh H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung. Xét hiện tại cháu Phan Cao Q A, sinh ngày 27/11/2016 đang sống ổn định với chị M và cháu Q A là con gái nên cần giao cho chị Muội tiếp tục nuôi dưỡng, để đảm bảo cuộc sống của cháu Q A buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H có nghề thợ hồ nhưng không ổn định nên để anh H hưởng mức lương tương đương mức lương cơ sở hệ số 1 bằng 1.490.000 đồng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở bằng 745.000 đồng. Do đó áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M. Chị Cao Thị K M được tiếp tục nuôi con chung tên Phan Cao Q A, sinh ngày 27/11/2016. Buộc anh Phan Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng số tiền 745.000 đồng/1 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, cho đến khi cháu Q A đủ 18 tuổi.

Anh Phan Văn H được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[4] Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Cao Thị K M phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), chị Cao Thị K M được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí

300.000 đồng theo biên lai thu số N_o 0011345 ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị Cao Thị K M không phải nộp thêm.

[6] Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phan Văn H nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

[7] Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị K M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị K M được ly hôn với anh Phan Văn H.

2. Về con chung: Chị Cao Thị K M tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phan Cao Q A, sinh ngày 27/11/2016. Buộc anh Phan Văn H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 745.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, cho đến khi cháu Q A đủ 18 tuổi.

Anh Phan Văn H được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Cao Thị K M phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí về phần hôn nhân, chị Cao Thị K M được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số N_o 0011345 ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị Cao Thị K M không phải nộp thêm. Buộc anh Phan Văn H nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B T.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai có mặt nguyên đơn chị Cao Thị k M biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Phan Văn H vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- Chi cục THADS.H Bình Tân 01;
- UBND xã Tân An Thạnh (h. Bình Tân, VL);
- Các đương sự 02;
- Lưu 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thành Tự